

Số: 557/2017/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 652/2016/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Tổ E, phường G, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Bùi Thị Minh P, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ E, phường G, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/2/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Văn T và chị Bùi Thị Minh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Văn T và chị Bùi Thị Minh P nhất trí thuận tình ly hôn.

Quan hệ con chung: Hai vợ chồng cho hai con chung Lâm P L, sinh ngày 24/6/2008 và Lâm Minh P, sinh ngày 30/11/2011. Sau khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con chung cùng chị P mức 1.000.000đ(Một triệu đồng)/ tháng/ 1 con cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Các đương sự đều xác định không có.

Về án phí: Anh T nhận nộp 100.000đ (Một trăm năm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 100.000đ (Một trăm năm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001795 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND TPTH;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTH;
- Các đương sự;
- UBND phường G;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

